

Số: 115/2026/QĐST-HNGĐ

Hưng Yên, ngày 13 tháng 5 năm 2026.

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – HƯNG YÊN**

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 - Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn Nhân và Gia Đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 170/2026/TLST – HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2026 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con khi ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

**Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:**

**Anh Nguyễn Văn C**, sinh năm 1998; Đăng ký HKTT và trú tại: Xóm E, thôn Y, xã T, tỉnh Hưng Yên.

**Chị Nguyễn Thị K**, sinh năm 2000; Đăng ký HKTT và trú tại: Khu K, phường V, tỉnh Bắc Ninh.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Tại đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và lời khai của các đương sự trình bày: Anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị Kim kết H với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện K, tỉnh Hưng Yên (nay là xã T, tỉnh Hưng Yên) vào ngày 08/11/2018. Như vậy, quan hệ hôn nhân của anh C và chị K tuân thủ đúng các điều kiện và thủ tục kết hôn theo luật định nên được xác định là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc trong khoảng 02 năm đầu và có 01 con chung. Tuy nhiên, thời gian sau đó, hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cách ứng xử và không tìm được tiếng nói chung. Mặc dù đã nhiều lần trao đổi để khắc phục nhưng mâu thuẫn không được cải thiện mà ngày càng trở nên trầm trọng. Vì vậy, từ ngày 19/01/2021, hai bên đã sống ly thân mỗi người mỗi nơi, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau.

Trong thời gian ly thân, chị Kim S 01 con riêng có tên dự sinh là Nông Đức P, sinh ngày 18/4/2023. Kết quả giám định ADN tại Công ty TNHH M xác định anh C không có quan hệ huyết thống với cháu bé và cả hai bên đều thống nhất, không có ý kiến khiếu nại về kết quả này. Chị K và anh C đều không thể xác định được bố đẻ của cháu là ai, họ tên địa chỉ ở đâu. Chị K dự định đặt tên cho cháu như vậy chỉ là để phân biệt với họ của anh C vì anh C không phải là bố đẻ của cháu.

Việc chị K sinh con riêng không phải là nguyên nhân dẫn đến việc vợ chồng ly hôn, bởi mâu thuẫn vợ chồng đã phát sinh từ trước đó và đã sống ly thân từ ngày 19/01/2021 trước thời điểm cháu bé được sinh ra hơn 02 năm.

Nay hai bên xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên thống nhất đề nghị TAND khu vực 3 – Hưng Yên công nhận thuận tình ly hôn để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

Tòa án đã mở phiên hòa giải đoàn tụ nhưng không thành vì cả hai đương sự giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Vì vậy, yêu cầu thuận tình ly hôn của hai đương sự là có căn cứ, tự nguyện và phù hợp với pháp luật nên được chấp nhận.

[2]. **Về con chung:** Anh C và chị K đều khẳng định vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Anh Đ, sinh ngày 31/01/2019. Ngoài ra anh chị không có con nuôi, chị Kim H1 không mang thai.

Anh C và chị K và thống nhất: Giao cháu Nguyễn Anh Đ, sinh ngày 31/1/2019 cho anh C được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Đức thành N (đủ 18 tuổi).

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: anh C và chị K không yêu cầu tòa án đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn chị K có quyền thăm nom con chung của mình và quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

**\*/ Về con riêng:** Chị K có 01 con riêng là cháu trai có tên dự kiến là Nông Đức P, sinh ngày 18/4/2023 (theo Giấy chứng sinh số 78, quyền số 03 ngày 18/4/2023 của Bệnh viện Đa Khoa huyện B) được xác định tại Kết quả phân tích ADN huyết thống số KQ2604277.12 ngày 20/4/2026 của Phòng khám Đ1 số 11 thuộc Công ty TNHH M không phải là con đẻ của anh Nguyễn Văn C. Anh C và chị K đều không đề nghị Tòa án đặt ra xem xét giải quyết.

[4]. **Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác nông nghiệp 03, công sức đóng góp xây dựng đối với hai bên gia đình:** Anh C và chị K đã được thẩm phán giải thích quyền, nghĩa vụ của anh chị theo quy định của pháp luật nhưng cả hai anh chị đều khẳng định vợ chồng không có tài sản chung, không có công nợ chung, không có ruộng đất nông nghiệp liên quan, không xây dựng đóng góp được gì cho hai bên gia đình nên không đề nghị tòa án đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[5]. **Về lệ phí:** Chị Kim tự N1 nộp toàn bộ lệ phí về việc giải quyết việc dân sự và được anh C nhất trí.

Xét việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải đoàn tụ không thành ngày 05/5/2026 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

**Về quan hệ hôn nhân:** Anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị K đều tự nguyện nhất trí thuận tình ly hôn nhau.

**Về con chung:** Giao cháu Nguyễn Anh Đ, sinh ngày 31/1/2019 cho anh C được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Đức thành N (đủ 18 tuổi).

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: anh C và chị K không yêu cầu tòa án đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn chị K có quyền thăm nom con chung của mình và quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

**Về con riêng:** Chị K có 01 con riêng là cháu trai có tên dự kiến là Nông Đức P, sinh ngày 18/4/2023 (theo Giấy chứng sinh số 78, quyển số 03 ngày 18/4/2023 của Bệnh viện Đa Khoa huyện B) được xác định tại Kết quả phân tích ADN huyết thống số KQ2604277.12 ngày 20/4/2026 của Phòng khám Đ1 số 11 thuộc Công ty TNHH M không phải là con đẻ của anh Nguyễn Văn C. Anh C và chị K đều không đề nghị Tòa án đặt ra xem xét giải quyết.

**Về tài sản chung, công nợ chung, đất ruộng canh tác nông nghiệp, công sức chung của vợ chồng với hai bên gia đình:** Anh C và chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Kim tự N1 nhận nộp cả 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn và được anh C nhất trí. Đối trừ với số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí mà chị K đã nộp theo biên lai thu số 0002115, ngày 23/4/2026, tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 3 - Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên thì chị K đã thi hành xong lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

## THẨM PHÁN

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 3- HY
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – HY;
- UBND xã Triệu Việt Vương (GCNKH số 32/2018);
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**Nguyễn Thị Thu Hương**